

Số: 161 /BC-NBK

Nhà Bè, ngày 17 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

**Sơ kết hai năm thực hiện công tác ứng dụng công nghệ thông tin
và chuyển đổi số trong nhà trường năm học 2022-2023, 2023-2024**

I. TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm được thành lập từ năm 1984, tọa lạc tại số 421 Huỳnh Tấn Phát, khu phố 7, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè. Diện tích: 4076,3 m².

Tổng số CB, GV, NV: 89 người (BGH: 2, GV: 76; NV: 11).

Năm học 2022-2023:

+ Tổng số lớp: 42

+ Tổng số học sinh: 2004

Năm học 2023-2024:

+ Tổng số lớp: 44

+ Tổng số học sinh: 2200

1. Thuận lợi

- Nhà trường luôn được sự quan tâm hướng dẫn của các cấp, các ngành trong huyện, sự chỉ đạo kịp thời về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nhà Bè, sự hỗ trợ của chính quyền địa phương UBND thị trấn Nhà Bè và sự phối hợp, hoạt động nhiệt tình của Ban đại diện cha mẹ học sinh đã tạo điều kiện ổn định về mọi mặt đáp ứng tốt việc tổ chức hoạt động dạy và học, đặc biệt là công tác chuyển đổi số.

- Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường có tinh thần đoàn kết, gắn bó, luôn có ý thức trong việc giữ gìn uy tín nhà trường: đội ngũ giáo viên có tay nghề vững vàng, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, trách nhiệm trong công việc, có ý thức vươn lên trong chuyên môn, có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và công tác chủ nhiệm, có ý thức trách nhiệm, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

- Cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia các khóa tập huấn về nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

- Nhà trường có đường truyền tốc độ cao, đáp ứng toàn bộ máy tính có thể truy cập Internet trong cùng một thời điểm. Các phòng chức năng đảm bảo trang bị đầy đủ máy tính có kết nối Internet. Nhà trường có 3 phòng Tin học phục vụ cho công tác giảng dạy tin học ở trường và tin học quốc tế IC3. Trường đã xây dựng thư viện thông minh và đang đưa vào hoạt động.

2. Khó khăn

- Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như

tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2022 - 2023

STT	Tiêu chí	Ghi chú, minh chứng	PGD đánh giá
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học		
1.1.	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức hoạt động giáo dục (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)	Trường xây dựng Kế hoạch số 51/KH-NBK ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc dạy học trực tiếp kết hợp với dạy học trực tuyến	Đạt
1.2.	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến	Trường có ban hành Quyết định số 52/QĐ-NBK ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc Ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến đối với cán bộ, giáo viên trường THCS Nguyễn Bình Khiêm từ năm học 2022-2023	Đạt
1.3.	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS); Phòng học thông minh (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua) Hệ thống LMS hoặc LCMS có triển khai các chức năng:	Phần mềm K12 online	Đạt
	(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học.	- Có tạo nội dung cho khoá học - Theo dõi, giám sát quá trình học tập của học sinh - Thiết lập điều kiện tiên quyết cho nội dung bài học	Đạt
	(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh.	Có chức năng trao đổi và thảo luận - Có chức năng thống kê số lượng trao đổi và thảo luận.	Đạt

STT	Tiêu chí	Ghi chú, minh chứng	PGD đánh giá
	(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên.	Phần mềm K12: - Có công cụ kiểm tra đánh giá - Công cụ kiểm tra đánh giá có hỗ trợ đa dạng câu hỏi: trắc nghiệm, đúng/sai, điền vào chỗ trống, nhiều đáp án đúng, câu hỏi trả lời bằng tập tin - Có công cụ xây dựng ngân hàng câu hỏi - Có công cụ xây dựng ma trận	Đạt
	(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh; Số lượt tương tác của cha mẹ trẻ qua clip.	Có ứng dụng theo dõi/giám sát các hoạt động của học sinh	Đạt
	(5) Có tích hợp phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp; Vận dụng đa dạng các phần mềm trong tổ chức hoạt động	Phần mềm K12 online	Đạt
1.4.	Số lượng học liệu được số hóa, clip xây dựng kho học liệu (đã được tổ chức chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	Nhà trường thực hiện kho học liệu số trên K12 online	Đạt
1.5.	Hiệu trưởng có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN (cung cấp thông tin: tên giải pháp phần mềm)	Nhà trường thực hiện kiểm tra đánh giá trên phần mềm K12 online	Đạt
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	Phần mềm K12 online	
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: Tỉ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	- 100% có giáo viên tài khoản - Có giáo viên chuyên trách phụ trách CNTT	Đạt

STT	Tiêu chí	Ghi chú, minh chứng	PGD đánh giá
	Tỉ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	70%	Đạt
	Tỉ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	100%	Đạt
	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học: Tỉ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phụ trợ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học.	100% các lớp học được trang bị ti vi, máy chiếu hoặc bảng tương tác	Đạt
1.7.	Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học.	Trường có 3 phòng máy với 145 máy tính được kết nối internet nhằm phục vụ cho việc dạy học môn tin học và các hội thi, khảo sát trực tuyến	Đạt
	Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục trợ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).	Chưa có	
2.	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục		
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số (thông tin: Họ tên, chức vụ, email, điện thoại)	Trường có ban hành Quyết định số 105/QĐ-NBK ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số và Quyết định số 106/QĐ-NBK ngày 03 tháng 4 năm 2023 về ban hành quy chế hoạt động của ban chỉ đạo chuyển đổi số	Đạt
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	Trường xây dựng Kế hoạch số 104/KH-NBK ngày 04 tháng 4 năm 2023 về thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2022-2023 cũng như Kế hoạch số 326/KH-NBK ngày 05 tháng 12 năm 2022 về triển	Đạt

STT	Tiêu chí	Ghi chú, minh chứng	PGD đánh giá
		khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của trường THCS Nguyễn Bình Khiêm giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030	
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường với đầy đủ các phân hệ và có kết nối với CSDL ngành: + Phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). + Phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. + Phân hệ quản lý cơ sở vật chất. + Phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. + Phân hệ cổng thông tin điện tử. + Sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.	Sử dụng hệ thống truong.hcm.edu.vn trong thực hiện sổ điểm điện tử, phân hệ quản lý thông tin, sức khỏe học sinh	Đạt
	Có kế hoạch sử dụng ngân sách phục vụ công tác chuyển đổi số của đơn vị.	Chưa có	
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường (thông tin: Qua OTT (Over The Top) hoặc qua ứng dụng web) - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến và phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục. - Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.	- Nhà trường sử dụng website https://thcsnguyenbinhkhieamnhabe.hcm.edu.vn và hệ thống EnetViet - Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến trên hệ thống vnedu.vn và phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục của Viettel - Nhà trường sử dụng hệ thống thu phí không dùng tiền mặt qua SSC và chuyển khoản qua số tài khoản nhà trường.	Đạt

2. Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (theo quyết định 956/QĐ-SGDĐT ngày 19 tháng 4 năm 2024) năm học 2023 - 2024

2.1. Về cơ sở vật chất, hạ tầng đáp ứng chuyển đổi số

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Trường đã thực hiện	Điểm trường tự chấm
1	Về cơ sở vật chất, hạ tầng đáp ứng chuyển đổi số	20		17
1.1.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học:			
	(1) Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, thiết bị phục vụ sử dụng dạy-học và kết nối Internet trên tổng số phòng học.	3	Trường có 44 phòng học, các phòng học đều có Tivi, có đầy đủ thiết bị phục vụ cho dạy học	3
	(2) Đáp ứng yêu cầu thiết bị dạy học tối thiểu môn tin học.	4	Đáp ứng yêu cầu thiết bị dạy học tối thiểu môn tin học mỗi học sinh 1 máy	4
	(3) Có phòng studio (gồm máy tính, thiết bị phục vụ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử).	3		0
	(4) Có phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm thực hành hiện đại	2	Hiện nay trường có 1 phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm thực hành hiện đại.	2
1.2	(5) Có trang bị hạ tầng, thiết bị, phần mềm cho thư viện	4	Có phần mềm thư viện điện tử, thư viện số phần mềm quản lý thư viện.	4
	Đường truyền, băng thông đáp ứng nhu cầu sử dụng trong trường học	4	8 Đường truyền Internet với tổng dung lượng hơn 1000 Mb đảm bảo 100% đảm bảo nhu cầu sử dụng	4

2.2. Chuyển đổi số trong dạy học

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Trường đã thực hiện	Điểm trường tự chấm
2	Chuyển đổi số trong dạy, học	80		80
2.1	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết		- Kế hoạch 446/KH-NBK ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tổ chức dạy học	

	hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hằng năm)		trực tiếp lồng ghép dạy học trực tuyến năm học 2023 - 2024	
2.2	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến		- Quyết định số 447/QĐ-NBK ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc Ban hành Quy chế tổ chức dạy học trực tuyến lồng ghép với dạy học trực tiếp đối với cán bộ, giáo viên, học sinh năm học 2023-2024	
2.3	Triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) có kết nối với cơ sở dữ liệu Ngành		- Trường có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến. Tên phần mềm: Hệ thống ÔN LUYỆN, Links đăng nhập https://onluyen.vn/	
2.4	Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) (cung cấp thông tin: Tên giải pháp, tự xây dựng/thuê/mua) Hệ thống LMS/LCMS có triển khai các chức năng:	30	- Trường có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến. Tên phần mềm: Hệ thống ÔN LUYỆN, Links đăng nhập https://onluyen.vn/	30
	(1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học.		- Có tạo nội dung cho khoá học - Theo dõi, giám sát quá trình học tập của học sinh - Thiết lập điều kiện tiên quyết cho nội dung bài học	
	(2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh.		- Có chức năng trao đổi và thảo luận - Có chức năng thống kê số lượng trao đổi và thảo luận.	
	(3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên		- Có công cụ kiểm tra đánh giá - Công cụ kiểm tra đánh giá có hỗ trợ đa dạng các câu hỏi: trắc nghiệm,	

			đúng/sai, điền vào chỗ trống, nhiều đáp án đúng, câu trả lời bằng tập tin - Có công cụ xây dựng ngân hàng câu hỏi - Có công cụ xây dựng ma trận	
	(4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.		- Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	
	(5) Có tích hợp phần mềm dạy học trực tuyến trực tiếp.		Có tích hợp phần mềm Zoom, Google Meet	
2.5	Số lượng học liệu được số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt).	10	Học liệu được số hóa, xây dựng kho học liệu số trên phần mềm ôn luyện và trang web của Sở GDĐT: quanli.hcm.edu.vn	10
2.6	Có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN	20	Có tổ chức triển khai kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính: có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN, tổ chức trên phần mềm Ôn luyện	20
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường	
2.7	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: (1) Tỷ lệ nhân sự được bồi dưỡng kiến thức về Ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số hàng năm	20	100% giáo viên có tài khoản sử dụng trên Hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu	20
	(2) Tỷ lệ giáo viên khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới		100% giáo viên khai thác sử dụng được các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học	

	phương pháp dạy học			
	(3) Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử		100% giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử	

2.3. Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Trường đã thực hiện	Điểm trường tự chấm
3	Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục	100		100
3.1	Cơ sở giáo dục thành lập bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		- Quyết định số 379/QĐ-NBK ngày 29 tháng 9 năm 2023 về việc thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số năm học 2023-2024.	
3.2	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số		- Kế hoạch số 378/KH-NBK ngày 29 tháng 9 năm 2023 về thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2023-2024	
3.3	Triển khai phần mềm quản trị nhà trường có kết nối với cơ sở dữ liệu ngành		Trường có triển khai phần mềm quản trị nhà trường với đầy đủ các phân hệ và có kết nối với CSDL ngành Cập nhật lên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục https://truong.hcm.edu.vn	
3.4	Tỷ lệ xác thực dữ liệu học sinh, nhân sự với Cơ sở Dữ liệu dân cư Quốc gia đạt tỷ lệ tối thiểu 99%		100% học sinh xác thực dữ liệu học sinh, nhân sự với Cơ sở Dữ liệu dân cư Quốc gia	
3.5	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường với đầy đủ các phân hệ: + Phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập). + Phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV. + Phân hệ quản lý cơ sở vật chất.	70	- Trường có triển khai phần mềm quản trị nhà trường với đầy đủ các phân hệ và có kết nối với CSDL ngành Cập nhật lên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục https://truong.hcm.edu.vn - Có đầy đủ các phân hệ: Quản lý học sinh, quản lý đội	70

	+ Phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh. + Phân hệ cổng thông tin điện tử (thực hiện ba công khai) + Sổ điểm số, học bạ số.		ngũ CBVCNV, CSVN, số điểm điện tử.....	
	Có kế hoạch sử dụng ngân sách phục vụ công tác chuyển đổi số của đơn vị.		- Xây dựng kế hoạch số 380/KH-NBK ngày 29 tháng 9 năm 2023 về sử dụng ngân sách phục vụ công tác chuyển đổi số của đơn vị.	
3.6.	Mức triển khai dịch vụ trực tuyến: (1) Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	30	- Nhà trường sử dụng website https://thcsnguyenbinhkhkiemnhabe.hcm.edu.vn và hệ thống nhắn tin điện tử EnetViet	30
	(2) Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.		- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến trên hệ thống vnedu.vn và phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục của Viettel	
	(3) Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.		Nhà trường sử dụng hệ thống thu phí không dùng tiền mặt qua SSC và chuyển khoản qua số tài khoản nhà trường.	

2. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

a) Công tác tổ chức, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của trường

- Thành lập Ban chỉ đạo Chuyển đổi số của trường do Hiệu trưởng nhà trường làm trưởng ban.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát dữ liệu trên hệ thống nhằm đảm bảo dữ liệu đúng, đủ, chính xác.

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) cho 100% đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo mục tiêu chuyển đổi số. Triển khai tập huấn cho giáo viên, xây dựng đội ngũ cốt cán chuyển đổi số trong nhà trường. Tham gia tập huấn chuyển đổi số do Học viện tư vấn chuyển đổi số Việt Nam (VDTA) tổ chức.

- Từng bước cải tạo, hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT tại nhà trường đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số (đường truyền Internet băng thông, phòng máy tính thực hành, máy chiếu, Tivi, thiết bị âm thanh,... phục vụ dạy học trên các phòng học, phòng sinh hoạt chuyên môn chung tại nhà trường).

- Triển khai dạy học trực tiếp kết hợp với trực tuyến; triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số; phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng.

- Nhà trường sử dụng hệ thống EnetViet để nhắn tin và điểm danh hàng ngày để kết nối giữa gia đình và nhà trường.

b) Công tác quản lý dạy và học trực tuyến; xây dựng và sử dụng học liệu số

- Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn và mỗi giáo viên đưa bài giảng lên hệ thống quanly.hcm.edu.vn kết hợp với hệ thống onluyen.vn; giáo viên ứng dụng CNTT trong sinh hoạt tổ chuyên môn và trong giảng dạy; ứng dụng CNTT thúc đẩy triển khai giáo dục STEM trong nhà trường.

- Tổ chức chuyên đề ứng dụng công nghệ thông tin cho 100% CB, GV, NV và khuyến khích giáo viên các bộ môn trong nhà trường tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản và truyền đạt cho học sinh các kiến thức, kỹ năng đó trong việc khai thác tài nguyên trên mạng internet, bảo mật, an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng, có hiểu biết cơ bản về cuộc cách mạng 4.0.

- Áp dụng triển khai các hệ thống LMS để dạy học qua mạng internet, áp dụng triển khai hệ thống học tập, khảo sát, đánh giá kết quả học tập của học sinh qua mạng internet.

- Xây dựng kho học liệu trực tuyến của trường phục vụ nhu cầu tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa của giáo viên.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số để hỗ trợ đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá trong tất cả các môn học. Giáo viên sử dụng thành thạo các thiết bị dạy học hiện đại, các phần mềm trình chiếu, kết hợp các phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo và phần mềm dạy học, đồng thời ứng dụng các công cụ dạy - học trực tuyến nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý lớp học, khả năng tương tác giữa giáo viên với học sinh trong lớp học.

c) Công tác thông tin, tuyên truyền trên môi trường mạng, trao đổi công việc bằng thư điện tử, công vụ

- Thường xuyên kiểm tra đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống. Đảm bảo tính bảo mật của hệ thống Cổng thông tin điện tử.

- Nhà trường đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh nhằm nâng cao nhận thức của người dùng cũng như kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đối với các thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính, máy tính bảng, máy tính cá nhân.

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên phụ trách CNTT.

d) Công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến; dữ liệu và phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục

Nhà trường thực hiện tuyển sinh đầu cấp trực tuyến của VNPT (vnedu.vn), đảm bảo đúng tiến độ.

Nhà trường thực hiện phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục của Viettel.

đ) Công tác cập nhật dữ liệu theo chỉ đạo của Ngành và Đề án 06, dữ liệu bản đồ GIS

Nhà trường đã xác thực 100% dữ liệu học sinh và vận động 100% học sinh lớp

9 làm CCCD gắn chip theo yêu cầu của Đề án 06.

Thực hiện Công văn số 3929/SGDDĐT-KHTC ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về thu thập và hoàn chỉnh thông tin định danh cá nhân của học sinh và giáo viên trên hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, trường thu thập và hoàn chỉnh thông tin định danh cá nhân của học sinh và giáo viên trên hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục nhà trường, đảm bảo thông tin học sinh đầy đủ.

e) Kế hoạch bố trí kinh phí phục vụ cho chuyển đổi số

- Kinh phí thực hiện kế hoạch chuyển đổi số từ ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển được cân đối hàng năm cho các trường theo quy định để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số; kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia kế hoạch chuyển đổi số.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG CÁC NỘI DUNG QUẢN LÝ

1. Ưu điểm

- Nhà trường đã tổ chức bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên phục vụ công tác quản lý, công tác chuyên môn và công tác chuyển đổi số.

- Tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của thư viện, xây dựng hệ thống dữ liệu liên thư viện hiện đại, hỗ trợ giáo viên và học sinh chủ động về phương thức tìm kiếm thông tin, dữ liệu học tập nghiên cứu, dễ dàng truy cập từ xa.

2. Hạn chế, khuyết điểm

- Hiện nay việc huy động kinh phí xã hội hóa để thực hiện công tác chuyển đổi số còn hạn chế.

IV. KIẾN NGHỊ

Không có./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Lưu: VT.



Phạm Tấn Phước